

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MST 6100205403 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 47 /BC - NLGMN.2025

Kon Tum, ngày 10 tháng 6 năm 2025

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

- Trồng, chăm sóc rừng năm 01: Diện tích 65,2ha/56,0ha. (Tăng 9,2ha).
Nguyên nhân là do công tác chuẩn bị hiện trường, cây giống tốt hơn so với dự kiến ban đầu)

- Chăm sóc năm thứ 02: Diện tích 187,5ha/196,8ha (Giảm 9,3ha - Nguyên nhân do thời tiết nắng khô hạn năm 2024 làm cây chết suy giảm mật độ)

- Chăm sóc năm thứ 03: Diện tích 150,1ha/154,4ha (Giảm 4,3ha - Nguyên nhân do thời tiết nắng khô hạn năm 2024 làm cây chết suy giảm mật độ)

- Bảo vệ rừng: Diện tích 7.585,83ha/7.716,16ha (Giảm 130,33ha)
+ Rừng thông quản lý bảo vệ theo dự án 1070: Diện tích 6.937,48ha/6.960,56ha (Giảm 23,08ha - Nguyên nhân: Khai thác bán cây đứng (Trường bản): 22,6ha; Gãy đổ do gió bão: 0,48ha)

+ Rừng thông phục hồi sau cháy phát sinh sau kiểm kê 2019: Diện tích 41,15ha/72,2ha (Giảm 31,05ha - Nguyên nhân do khai thác)

+ Rừng thông phục hồi sau cháy giao khoán 40/60: Diện tích 227,53ha/227,8ha (Giảm 0,27ha - Nguyên nhân do khai thác rừng phục hồi sau cháy phát sinh sau kiểm kê 2019 vượt ranh giới lô).

+ Rừng trồng (Keo; Bạch đàn) giao khoán với các hộ gia đình theo nghị định 168: Diện tích 4,9ha/73,75ha (Giảm 68,85ha - Nguyên nhân do khai thác).

+ Rừng Bạch đàn trồng năm 2019: Diện tích 88,38ha (Giảm 1,18ha - Nguyên nhân là do xử lý đường băng cháy lan làm chết cây dẫn đến giảm mật độ trong mùa khô năm 2024).

+ Diện tích quản lý bảo vệ rừng trồng năm 2021: Diện tích 173,3ha/179,2ha (Giảm 5,9ha - Nguyên nhân do nắng hạn năm 2024 làm cây chết suy giảm mật độ)

- Khai thác rừng thông phục hồi sau cháy giao khoán 40/60: Diện tích 0,0/227,8ha; Không thực hiện được vì hồ sơ quản lý đối tượng rừng 40/60 có một số hợp đồng phát sinh cần phải kiểm tra làm rõ.



- Khai thác rừng thông phục hồi sau cháy phát sinh sau kiểm kê 2019: Diện tích 31,05ha/46,05ha (Đạt tỷ lệ: 67,4% so với kế hoạch)

- Khai thác tía thưa: Diện tích 92,08ha/222,69ha.

* Nguyên nhân khai thác rừng phục hồi sau cháy phát sinh sau kiểm kê 2019 và khai thác tía thưa không đạt kế hoạch:

+ Chủ trương cho phép khai thác và tiêu thụ gỗ tại bãi 2 năm 2024 đến đầu tháng 4 mới được chấp thuận vì vậy việc kêu gọi nhân công khai thác gặp rất nhiều khó khăn vì họ đã nhận hợp đồng khai thác ở những nơi khác từ đầu năm đang khai thác dở dang (Thông thường hàng năm để kêu gọi được nhân công khai thác thì thời điểm thích hợp là sau tết nguyên đán khoảng 15 – 25 ngày; còn sau đó là rất khó khăn nếu có gọi được thì số lượng cũng không đủ để đáp ứng nhu cầu cho việc khai thác).

+ Nhân công khai thác hầu như là nhân công ở các tỉnh Miền Trung, từ tháng 4 thời tiết Tây nguyên chuẩn bị bước vào mùa mưa nên khi kêu gọi nhân công ở các tỉnh Miền Trung (Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam) nhân công không muốn đi làm vì họ sợ mưa, thời gian khai thác làm được ngắn ngày, đi lại tốn kém dẫn đến không đảm bảo ngày công, đồng thời tại các tỉnh Miền Trung là mùa nắng khai thác keo, bạch đàn diễn ra rất rầm rộ, nên nhân công tập trung làm ở các tỉnh này không lên Kon Tum làm. Đa phần diện tích đã khai thác đều lao động địa phương làm, tính chuyên nghiệp không cao dẫn đến tiến độ khai thác chậm.

+ Vào giữa tháng 5 đã bắt đầu xuất hiện mưa giông liên tục vào chiều tối đồng thời mùa mưa kết thúc muộn đến tháng 11 vẫn còn ảnh hưởng bão gây mưa ở Tây nguyên làm hư hỏng các tuyến đường vận xuất, vận chuyển gây khó khăn trong công tác khai thác dẫn đến tiến độ khai thác chậm.

+ Vào cuối năm 2024 giá nông sản như cà phê, sắn lên cao nên giá thuê nhân công cũng lên cao dẫn đến lực lượng lao động chủ yếu đi làm thu hoạch sắn và cà phê nên việc kêu gọi nhân công khai thác rừng gặp rất nhiều khó khăn.

- Trả nợ ngân hàng phát triển: 20 tỷ đồng/25 tỷ đồng.

- Doanh thu, thu nhập khác: 59 tỷ đồng/68 tỷ đồng

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuận lợi: Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo của các Bộ ngành, của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng chuyên môn nghiệp vụ của Tổng Công ty giấy Việt Nam; được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương nơi Công ty đứng chân; cùng với đội ngũ CBCNV Công ty luôn nhiệt tình công tác, đoàn kết gắn bó và có tâm huyết với nghề rừng. Trong những năm qua, Công ty đã tiếp tục đổi mới cơ chế trong quản lý điều hành, đổi mới phương pháp lãnh đạo trong quá trình điều hành SXKD của Công ty bước đầu đã mang lại hiệu quả rõ rệt, đặc biệt trong công tác

QLBV & PCCCR, công tác sản xuất ván veneer, công tác khai thác trắng, khai thác tia thưa và khai thác nhựa thông.

Khó khăn:

- Toàn bộ diện tích rừng trồng của Công ty trải dài trên địa bàn 32 xã thuộc 7 huyện của tỉnh Kon Tum. Hiện trường rừng trồng chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hiện trường có độ dốc cao, đường sá đi lại hết sức khó khăn (một số địa bàn mùa mưa không thể đến được).

- Đời sống VHXXH của người dân gần khu vực rừng trồng của Công ty còn nghèo nàn, lạc hậu, sống du canh du cư, tình trạng chặt phá lấn chiếm rừng và đất trồng rừng làm nương rẫy ngày một gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp đòi hỏi Công ty phải tập trung tăng cường cho Công tác QLBV-PCCCR.

- Toàn bộ sản phẩm đến kỳ thu hoạch khai thác tia thưa, khai thác trắng đối với cây thông rất khó tiêu thụ vì chi phí vận chuyển đến nơi tiêu thụ cự ly rất xa làm phát sinh chi phí, gỗ tia thưa nhỏ giá bán thấp.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT			Kế hoạch	Thực hiện
I	Sản phẩm SX			
1	Trồng mới rừng	ha	56	65,2
2	Chăm sóc rừng năm 1	ha	56	65,2
3	Chăm sóc rừng năm 2	ha	196,8	187,5
4	Chăm sóc rừng năm 3	ha	154,4	150,1
5	Diện tích rừng Công ty đang quản lý bảo vệ	ha	7.716,16	7.585,83
6	Khai thác nhựa thông	ha	6.471,20	6.228,45
7	Khai thác trắng rừng thông	ha	22,6	22,6
8	Khai thác tia thưa	ha	222,69	92,08
9	Khai thác rừng thông phục hồi	ha	273,85	31,05
II	Doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	68,03	59,94
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,27	2,05
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,70	1,24
V	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	2.301,14	2.023,87
VI	Tổng số lao động	Người	98	91
VII	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	11,76	10,26
1	Quỹ lương người quản lý	Tỷ đồng	1,57	1,55
2	Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	10,18	8,71

Lưu ý: (*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

- **Dự án phát triển vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum:** Thực hiện Quyết định số 1070/QĐ-TTg, ngày 20/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án khả thi phát triển vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000-2010, từ năm 2000 đến nay Công ty đã đầu tư trồng, chăm sóc, Quản lý bảo vệ, Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) cụ thể như sau:

+ Tổng giá trị lâm sinh thực hiện đến ngày 31/12/2024: 543.486 triệu đồng (trong đó thực hiện năm 2024 là: 13.526 triệu đồng).

+ Giá trị giải ngân vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đến ngày 30/6/2024: 408.321,7 triệu đồng.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A	Dự án khả thi phát triển vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000-2010, từ năm 2000	1025,193		959,3321	65,8613	543,486	2000-2029
Dự án nhóm B							

1. Các khoản đầu tư tài chính. Không có

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI:
Không có

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									

DUYỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tri

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
